

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/5/2019.
V/v “Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Hà Văn T**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp 1, xã Tân Hội T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

Bị đơn: Chị **Trần Thị B**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp 1, xã Tân Hội T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2018; biên bản hòa giải ngày 26/4/2019 anh Hà Văn T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị B kết hôn năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Do chị B không quan tâm, chăm lo cho gia đình, chồng con mặc cho anh T có khuyên ngăn chị B không vẫn không thay đổi mà còn tự ý bỏ nhà đi nhiều lần. Anh T, chị B mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai và cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị B.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Hà Thị L, sinh năm 1991, Hà Thị Cẩm G, sinh ngày 28/6/1996 và Hà Thanh P, sinh ngày 22/5/2001. Hiện nay, con chung Hà Thị L và Hà Thị Cẩm G, Hà Thanh P đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/4/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Trần Thị B là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị B thừa nhận lời trình bày của anh T về việc hai người kết hôn năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống như lời trình bày của anh T là có thật. Anh T, chị B mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai và cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, anh T yêu cầu xin ly hôn, chị B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Hà Thị L, sinh năm 1991, Hà Thị Cẩm G, sinh ngày 28/6/1996 và Hà Thanh P, sinh ngày 22/5/2001. Hiện nay, con chung Hà Thị L và Hà Thị Cẩm G, Hà Thanh P đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Anh Hà Văn T có đơn yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Chị Trần Thị B là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Hội T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh T và chị B thừa nhận chung sống vào năm 1990 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, anh T và chị B có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Nay, đời sống chung giữa anh T và chị B phát sinh mâu

thuần, anh T yêu cầu ly hôn, chị B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận anh T chị B là vợ chồng.

- **Về con chung:** Trong thời gian chung sống anh T, chị B có 03 con chung tên Hà Thị L, sinh năm 1991, Hà Thị Cẩm G, sinh ngày 28/6/1996 và Hà Thanh P, sinh ngày 22/5/2001. Hiện nay, con chung Hà Thị L, Hà Thị Cẩm G, Hà Thanh P đã trưởng thành, anh T, chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai số 0006375 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Văn T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Hà Văn T và chị Trần Thị B là vợ chồng.

2. Về con chung: Hà Thị L, sinh năm 1991, Hà Thị Cẩm G, sinh ngày 28/6/1996 và Hà Thanh P, sinh ngày 22/5/2001. Hiện nay, 03 con chung Hà Thị L, Hà Thị Cẩm G, Hà Thanh P đã trưởng thành, anh T, chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí: Anh Hà Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai số 0006375 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Hà